TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 21-9-2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét sử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chí Dựng và Đinh Thị Tin.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa: Bà Quách Thị Nên – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 195/2021/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2021 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/8/2021, Quyết định hoãn phiên toà số 27/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10/9/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Th, sinh 1990; địa chỉ: KDC K, phường AS, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Chị Th có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thắng H, sinh năm 1986; địa chỉ: KDC K, phường AS, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Anh H vắng mặt.

3. Người làm chứng: Ông Nguyễn Tiến S, sinh năm 1960 (là bố đẻ của anh Nguyễn Thắng H), địa chỉ: KDC K, phường AS, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Ông S vắng mặt, có đề nghị xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 27/7/2021, các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn - chị Vũ Thị Th trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Nguyễn Thắng H tự nguyện kết hôn, được UBND phường AS, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/7/2007. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn sau đó mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng không hợp nhau, đặc biệt là trong cách làm ăn, quản lý kinh tế, anh H nợ nần, dẫn đến vợ

chồng hay xảy ra cãi vã, xô xát. Hai bên gia đình, bạn bè, khu dân cư đã nhiều lần động viên, hoà giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn thường xuyên xảy ra. Từ cuối năm 2019 anh chị đã không còn quan tâm nhau, anh H sang sinh sống cùng bố mẹ đẻ anh H (cách nhà chị khoảng 100m), chị và 2 con vẫn ở nhà của vợ chồng. Đến nay, chị xác định vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị ly hôn với anh H.

- *Về con chung:* Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Hải Y, sinh ngày 06/12/2009 và cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 16/10/2011, các cháu đang ở cùng chị. Sau khi vợ chồng ly hôn, chị xin tiếp tục nuôi cả 2 con đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Chị làm lao động tự do, bán hàng quần áo, thu nhập bình quân 12 triệu đồng/tháng.

- *Về tài sản, nợ chung:* Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh H đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án cũng như các văn bản tố tụng mà toà án giao. Tuy nhiên, anh không đến toà trình bày trực tiếp ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị Th, cũng như không tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải. Thông qua ông Nguyễn Tiến S là bố đẻ anh H, anh H thể hiện quan điểm là nhất trí ly hôn với chị Th, con chung muốn ở với ai là tuỳ quan điểm của các cháu, đối với tài sản anh không yêu cầu giải quyết trong vụ án này và anh H có quan điểm toà án chỉ được giải quyết về tài sản khi anh chị yêu cầu và có mặt cả 2 anh chị.

Tại Biên bản lấy lời khai, cháu Nguyễn Hải Y và cháu Nguyễn Thị T đều có nguyện vọng được ở cùng mẹ sau khi bố mẹ ly hôn.

Ông Nguyễn Tiến S – là bố đẻ anh H cho biết: Anh H chị Th kết hôn từ năm 2007, sau khi kết hôn, chị Th, anh H chung sống riêng nhà với ông bà (cách nhà ông bà khoảng 100m), sống hạnh phúc khoảng 10 năm đầu, những năm gần đây thì mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng tăng, vợ chồng thường xuyên xô xát. Ông bà cũng đã nhiều lần khuyên bảo nhưng không đạt kết quả, dẫn đến anh H về chung sống cùng vợ chồng ông bà được hơn năm nay. Anh H không có việc làm ổn định, làm nay đây mai đó, lúc đi lái xe, lúc đi phụ xây theo công trình, thường xuyên điện thoại về nói chuyện với con thông qua điện thoại của ông vì giữa anh chị mâu thuẫn nên anh H không điện thoại qua máy của chị Th. Anh H chỉ thỉnh thoảng về thăm con, cũng do vấn đề vay nợ dân xã hội nên chỉ về chốc lát lại đi. Ông bà cũng đã động viên vợ chồng anh H đoàn tụ nuôi dạy con, tuy nhiên tình cảm vợ chồng giữa anh, chị vẫn không thay đổi. Nay chị Th đề nghị toà án giải quyết ly hôn, ông bà tôn trọng quyền quyết định của các con và đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Các văn bản mà Tòa án nhờ giao hộ, anh H về nên ông đã giao lại trực tiếp cho anh H và ông đã truyền đạt lại quan điểm của anh H cho Tòa án về việc chị Th xin ly hôn anh.

Tại biên bản xác minh, ông trưởng KDC K, phường AS, thị xã Kinh Môn cho biết: Quá trình anh H, chị Th chung sống, thời gian vài năm gần đây xảy ra nhiều mâu thuẫn, ông cũng đến hoà giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị vẫn liên tục xảy ra. Khoảng hơn 1 năm nay, anh H sống ly thân với chị Th. Chị Th vẫn ở nhà của 2 vợ chồng, anh H làm lao động tự do, lúc đi lái xe, lúc đi làm xây dựng, lúc làm cơ khí, thỉnh thoảng về và ở tại nhà bố mẹ đẻ.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn – Chị Th vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh H; xin tiếp tục nuôi cả 2 con chung và tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản.

Bị đơn – anh H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Toà án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung: Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Tòa án xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn, cho chị Th ly hôn anh H theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Về con chung: Giao cho chị Th tiếp tục nuôi cả 2 con chung là cháu là Nguyễn Hải Y, sinh ngày 06/12/2009 và cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 16/10/2011 đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh H cấp dưỡng theo quy định tại Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Về tài sản, nợ chung: Các bên không yêu cầu, nên không xem xét; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về Tố tụng:* Bị đơn – anh H có nơi đăng ký hộ khẩu tại xã AS, thị xã Kinh Môn, nên yêu cầu Ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh H vắng mặt

tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, HĐXX xét xử vắng mặt anh H.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Th và anh H đủ điều kiện, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

[3] Căn cứ lời khai của nguyên đơn, biên bản xác minh và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở để xác định: Cuộc sống vợ chồng chị Th, anh H đã xảy ra mâu thuẫn thời gian dài. Quá trình chung sống vợ chồng không tôn trọng, quan tâm, giúp đỡ, chia sẻ với nhau. Bố mẹ đẻ anh H và trưởng khu dân cư đã động viên, hoà giải để chị Th và anh H đoàn tụ nhưng không thành. Anh H nhất trí ly hôn với chị Th, không về tham gia các buổi hoà giải theo triệu tập của Toà án. Điều đó thể hiện việc anh H không mong muốn vợ chồng đoàn tụ để xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Chị Th sống ly thân với anh H hơn 1 năm nay, vẫn cương quyết đề nghị Toà án giải quyết ly hôn. Như vậy, anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Th, xử cho chị Th ly hôn anh H là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về con chung:* Cháu Nguyễn Hải Y, sinh ngày 06/12/2009 và cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 16/10/2011 hiện đang ở cùng chị Th, có nguyện vọng ở cùng chị Th, chị Th vẫn sử dụng nhà của 2 vợ chồng, công việc bán hàng quần áo ổn định, có thu nhập đủ nuôi cả 2 con, có nguyện vọng tiếp tục nuôi con, các con của anh chị cũng xin trực tiếp ở với chị sau khi anh chị ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, anh H thông qua ông S là tôn trọng ý kiến các con muốn ở với ai là tuỳ các cháu. Do đó, để đảm bảo sự phát triển tốt nhất, giữ ổn định về tâm lý và nguyện vọng của 2 cháu, HĐXX thấy, sau khi vợ chồng ly hôn cần giao cả 2 con chung cho chị Th tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi là phù hợp; chấp nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị Th, anh H đều không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí:* Chị Th phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

[7] *Về quyền kháng cáo:* Chị Th, anh H có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Vũ Thị Th.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị Th ly hôn anh Nguyễn Thắng H.

1.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hải Y, sinh ngày 06/12/2009 và cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 16/10/2011 cho chị Vũ Thị Th tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2. Về án phí: Chị Vũ Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương theo biên lai số AA/2018/0006114 ngày 03/8/2021, chị Th đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Nguyên đơn, bị đơn;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- UBND phường AS, thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- Lưu hồ sơ, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đào Văn Phúc